

DI SẢN
KẾT NỐI

L Ờ I G I Ớ I T H I Ệ U

Tuyển tập các câu chuyện xoay quanh chủ đề di sản này được thực hiện và sưu tầm trong khuôn khổ Di sản Văn hóa hướng đến sự Phát triển đồng đều, một chương trình do Hội đồng Anh thực hiện tại Colombia, Kenya và Việt Nam.

Di sản Văn hóa hướng đến sự Phát triển đồng đều là một chương trình thí điểm với mục đích sử dụng các di sản văn hóa để đem lại lợi ích cho mọi đối tượng trong xã hội. Trong bối cảnh này, di sản văn hóa bao gồm nhiều thể loại, từ các di sản vật thể đến các truyền thống văn hóa phi vật thể như âm nhạc hay ngôn ngữ, còn sự phát triển đồng đều nhằm chỉ các nỗ lực xóa bỏ mối quan hệ đối nghịch giữa phát triển kinh tế và khoảng cách giàu nghèo.

Phiên bản Việt Nam của chương trình là dự án Di sản Kết nối – làm việc với các cộng đồng, những người nắm giữ di sản và các nghệ sĩ đương đại để bảo vệ và quảng bá di sản nhạc và phim ít được biết đến hoặc có nguy cơ mai một.

Di sản nhạc và phim – đặc biệt là di sản của các nhóm lễ hóa (do lý do kinh tế, xã hội hoặc chính trị), bao gồm các cộng đồng dân cư sinh sống tại các nơi hẻo lánh và khu vực nông thôn và đồng bào các dân tộc thiểu số - đang có xu hướng trở nên ít liên quan hơn đến sự phát triển về văn hoá và xã hội đương đại nói chung ở Việt Nam, trong khi nền kinh tế liên tục phát triển. Trong bối cảnh này, những nỗ lực nhằm bảo vệ những di sản văn hóa phi vật thể có giá trị và có nguy cơ mai một còn chưa nhận được nhiều sự chú ý và hỗ trợ. Tình trạng này dẫn đến việc các cộng đồng gắn liền với các di sản gặp nhiều hạn chế trong việc phát triển nguồn lực con người và đóng góp cho sự phát triển quốc gia.

Mười câu chuyện trong ấn phẩm này được kể lại dưới góc nhìn của những người đã tham gia chương trình tại những địa điểm mà dự án đã được triển khai – từ đó nhằm thu thập, chia sẻ cũng như làm bật lên vẻ đẹp, giá trị và cơ hội mà di sản văn hóa có thể mang lại. Mỗi câu chuyện có tính độc đáo, sáng tạo và bản sắc riêng nhưng tựu chung đều được truyền cảm hứng bởi một mục tiêu, chính là để lan tỏa tầm quan trọng và tính liên quan của di sản văn hóa nhằm tôn vinh quá khứ, hiểu thêm về hiện tại và tạo ra một tương lai chung cho tất cả chúng ta.

Khi được đan xen với nhau, những câu chuyện vừa tiết lộ vừa nâng cao nhận thức về sức mạnh biến đổi của di sản văn hóa cũng như vai trò của di sản trong việc nâng cao hiểu biết đa văn hóa xong xã hội hiện nay. Trong tuyển tập này dưới góc độ di sản văn hóa phong phú của Việt Nam, di sản văn hóa đã thể hiện vai trò độc đáo của mình từ việc tạo điều kiện để kết nối và trao đổi ý tưởng giữa các thế hệ cho đến việc hỗ trợ để xây dựng sinh kế bền vững cho cộng đồng.

Xin gửi lời cảm ơn chân thành đến nhóm tác giả là anh Barley Norton từ trường Goldsmiths, Đại học Luân đôn (Goldsmiths, University of London) và anh Hoàng Văn Chung từ Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Nhóm tác giả đã đi tới nhiều địa điểm và phỏng vấn những người tham gia dự án để ghi lại những câu chuyện chân thật nhất phản ánh đúng nhất bản chất của dự án và những gì đang diễn ra xung quanh. Chúng tôi tin tưởng rằng những câu chuyện này nên được lưu truyền và chia sẻ giữa những cá nhân đã kể lại câu chuyện cũng như những độc giả khác với mong muốn tìm hiểu và lan tỏa những giá trị đẹp đẽ này đi xa hơn nữa.

DI SẢN KẾT NỐI

ÂM VANG CỒNG CHIÊNG
TỪ LÀNG MƠ H'RA
TRONG TIẾNG GỌI CỦA
TƯƠNG LAI





Một tối đầu năm 2020, trong tiếng cồng chiêng rộn ràng và giữa những bóng người đang nhày múa mê say quanh ánh lửa, niềm vui và hi vọng sáng lên trong mắt của những người dân làng Mơ H'ra thuộc tỉnh Gia Lai.

Ở Tây Nguyên hiện nay, cuộc sống đang đặt ra nhiều thử thách cho việc duy trì các thực hành văn hóa của người dân tộc thiểu số. Trong bối cảnh ấy, với người dân Bahnar ở làng Mơ H'ra, thật không dễ dàng để ưu tiên bảo tồn những gì được ca ngợi là di sản văn hóa trước áp lực phải làm việc vất vả hơn để thoát nghèo.

Tuy nhiên, di sản văn hóa có thể là một nguồn lực giúp cải thiện thu nhập cho cộng đồng. Đó là điều người dân Mơ H'ra gần đây biết đến khi cán bộ của dự án Di sản Kết nối do Hội đồng Anh tài trợ tìm đến và hỗ trợ xây dựng mô hình du lịch văn hóa cộng đồng. Với mô hình này, họ được mời tham gia thảo luận để có nhận biết rõ hơn về di sản văn hóa của mình và cần làm những gì để kết nối những hoạt động đời thường với việc tạo ra sức hấp dẫn về du lịch. Nhà rông – nơi sinh hoạt của làng – đã được đầu tư, nâng cấp thêm để biến thành một không gian trưng bày các biểu tượng tâm linh, công cụ lao động, vải dệt thổ cẩm, đặc biệt là các loại nhạc cụ đặc trưng của người Bahnar gồm cồng chiêng, đàn T'rung, đàn K'ni, và trống.

Đồng thời, các đội đánh cồng chiêng và múa Xoang được tập hợp và rèn luyện thường xuyên, dưới vai trò truyền dạy và giám sát của già làng Đinh H'munh. Theo ông, trước đây, người dân thường chỉ đánh



cồng chiêng vào một số sự kiện quan trọng trong năm. Ngày nay, làng có hai đội riêng biệt, gồm một đội lớn tuổi và một đội thiếu nhi, sẵn sàng biểu diễn khi có khách du lịch ghé thăm. Già làng H'munh còn có kế hoạch dạy người trẻ trong làng chơi thành thạo các nhạc cụ truyền thống và hát dân ca của người Bahnar. Khách du lịch có thể mua các món đồ lưu niệm đẹp mắt do người dân làm bằng tay từ thổ cẩm, tre và mây, và thường thức các món ăn đặc sắc như cơm lam, gà nướng, hay chuối sấy. Già làng H'munh cùng các thành viên của Ban Du lịch cộng đồng của làng còn đi tham quan và nghe chia sẻ kinh nghiệm phát triển kinh tế nhờ du lịch văn hóa ở các địa phương khác.

Đinh Thị Mến là một gương mặt nổi bật trong Ban Du lịch cộng đồng. Cô gái trẻ và xinh xắn này được dân làng chọn tham gia

lớp đào tạo để trở thành hướng dẫn viên du lịch. Thay vì đi làm công nhân, cô quyết định ở lại làng và đảm nhận vai trò quan trọng này. Cô dự định sẽ học hỏi và tìm hiểu sâu hơn để giúp giới thiệu rộng rãi các đặc trưng văn hóa của làng mình.

Với sự chung sức của cả cộng đồng, tiếng cồng chiêng làng Mơ H'ra đang vang xa, vươn xa khỏi không gian sống, con suối và những nương mía, bãi ngô. Tiếng cồng chiêng giờ đây không chỉ kể những câu chuyện xa xưa mà còn mở ra hi vọng vào một tương lai khi di sản văn hóa truyền thống vẫn được thể hiện sống động trong chính những hoạt động tạo sinh kế thường ngày của người dân nơi đây.

[▶ Xem phim ngắn tại đây](#)

[Gong Ensemble](#)

[Đinh H'munh Song](#)

DI SẢN KẾT NỐI

TƯƠNG LAI
CỦA
TRUYỀN THỐNG





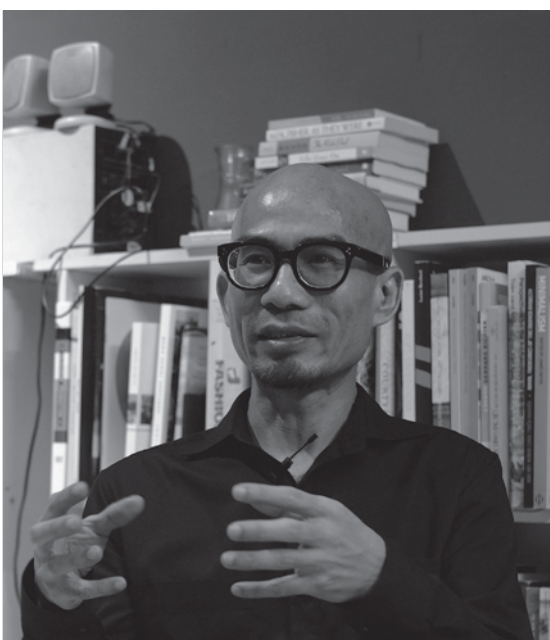
Ở Việt Nam hiện nay, các loại hình nghệ thuật truyền thống đang tồn tại như thế nào? Các nghệ sĩ đương đại nên tiếp cận truyền thống theo cách nào để tạo ra những tác phẩm mới? Trong bối cảnh toàn cầu hóa mau chóng, giá trị của văn hóa bản địa là gì? Đây là những vấn đề lớn nằm ở tâm điểm của dự án "Tương lai của Truyền thống" do quỹ Phim, Nhạc và Lưu trữ (FAMLAB) của Hội đồng Anh tài trợ. Qua hỗ trợ các màn trình diễn, các buổi trò chuyện của nghệ sĩ và những thảo luận mở, dự án tạo một diễn đàn cho việc khám phá những vấn đề mà giới nghệ sĩ ngày nay ở Việt Nam đang đối diện.

Một trong những chuyên gia tư vấn cho dự án - nghệ sĩ Sơn X - đã giải thích một

số điểm đằng sau ý tưởng này: "Đến một lúc nào đó thì xã hội đã hơi hoang mang, không biết mình là ai và không biết mình ở đâu. Và họ có nhu cầu tìm về cái gốc của họ. Đây là một trong những nguyên nhân nhiều nghệ sĩ trẻ ngày nay muốn quay trở lại cái gốc của mình". Dù quan tâm đến việc kết nối với quá khứ như thế, không dễ dàng gì để tìm ra cách thể hiện có ý nghĩa. Chính Sơn X miệt mài với một loại hình âm nhạc sân khấu truyền thống, đó là Chèo. Anh học về các làn điệu từ các thầy dạy chơi trống Chèo từ khi còn nhỏ. Nhưng nhiều nghệ sĩ đương đại, vốn không có được sự truyền dạy ấy, đang đi tìm những cách thức mới mẻ để kết nối với truyền thống văn hóa. Để giúp các nghệ sĩ trẻ như

thể dẫn bước vào văn hóa bản địa, Sơn X sáng tác một vở diễn đặt tên "Hai nàng Nguyệt Cờ" trong đó kết hợp trình diễn trực tiếp nhạc điện tử với hai loại hình âm nhạc truyền thống là Chèo và Tuồng. Anh cũng đảm nhận vai trò là người hướng dẫn cho những nghệ sĩ mới nổi. "Nhiều nghệ sĩ trẻ hỏi tôi rằng làm thế nào để phát triển truyền thống. Tôi bảo họ là các em nên thật thà với cả chính bản thân mình. Tự vì cái truyền thống không nằm ở trong từng cái Tuồng, Chèo cụ thể đâu mà nó nằm trong đời sống của các em hàng ngày".

Lời khuyên đó nhận được sự đồng cảm của một số nghệ sĩ trẻ tham gia vào dự án, chẳng hạn như La Mai, năm nay mới 22 tuổi. Trong thời gian diễn ra các buổi workshop, La Mai đã tạo ra một tác phẩm lấy cảm hứng từ lớp "Súy Vân già đại" trong vở Chèo cổ "Kim Nham". Vào điểm cao trào của câu chuyện, nữ diễn viên thể hiện một Súy Vân già điên dại để có thể giải thoát mình khỏi nỗi đau trong tình yêu tay ba đầy bi kịch. Trong tình trạng điên dại, Súy Vân hát và nhảy múa quanh sân khấu, là lướt đến mất kiểm soát giữa những cảm xúc đầy mâu thuẫn. Khi phát triển tác phẩm của mình, La Mai xem đi xem lại cảnh này, vẽ lại những chuyển động khác nhau và cảm xúc đau khổ của nàng Súy Vân. Cô ghi dấu lại đường đi của nữ diễn viên trên sân khấu, mô phỏng và đúc lại thành những đường rãnh trên bìa trắng. Khi trình diễn, cô đổ cát trắng lấp đầy những đường rãnh ấy. Sáng tạo của La Mai không trực tiếp nhắc tới Súy Vân, vì thế người



xem không nhất thiết phải nhận ra tác phẩm bị ảnh hưởng bởi âm nhạc sân khấu Chèo. Nói về buổi trình diễn, La Mai nhấn mạnh "em không muốn khai thác truyền thống, em muốn đối thoại với Súy Vân và thể hiện cảm xúc của cá nhân mình".

"Tương lai của Truyền thống" là một dự án đầy tham vọng và dường như đã tạo ra những ảnh hưởng thực sự đến công việc sáng tác của nhiều nghệ sĩ trẻ. Chắc chắn với La Mai, dự án mang lại cho cô một trải nghiệm rất giá trị: "Việc tham gia vào dự án đã biến đổi em", cô nói, "nó khiến em nhạy cảm hơn với truyền thống".

 [Xem phim ngắn tại đây](#)

DI SẢN KẾT NỐI

NHỮNG
TRUYỀN THUYẾT
LÃNG QUÊN
TRỞ LẠI
VỚI
THIÊN ĐƯỜNG

-

LIÊN HOAN
NHẠC MỚI HÀ NỘI



Liên hoan Nhạc mới Hà Nội năm 2018 là một sự kiện có tính lịch sử. Đó là liên hoan có quy mô lớn nhất, hội tụ những thể nghiệm về loại hình âm nhạc mới chưa từng có ở Việt Nam. Sự kiện này chứng kiến sự hiện diện của các nghệ sĩ đến từ Nhật Bản và từ tám quốc gia ở Đông Nam Á. Otomo Yoshihide – một nghệ sĩ guitar và nhà soạn nhạc nổi tiếng của Nhật Bản- cho biết anh cảm thấy mình như đang ở Thiên đường trong suốt thời gian Liên hoan diễn ra bởi nó là một cơ hội quý giá để kết bạn và hợp tác với các nhạc sĩ châu Á khác.

Liên hoan Nhạc mới Hà Nội đã diễn ra trong 6 ngày vào tháng 12 năm 2018 dưới sự tổ chức và giám tuyển của nhà soạn nhạc người Hà Nội Trần Thị Kim Ngọc. Người dự Liên hoan đến từ nhiều lĩnh vực khác nhau ở

Hà Nội được tận hưởng nhiều loại hình âm nhạc mới, từ trình diễn âm nhạc đa phương tiện, sân khấu và trình chiếu hình ảnh động đến diễn tà thơ, âm nhạc "ồn ào", và những câu lạc bộ ban đêm của các DJ mang tính thể nghiệm.

Liên hoan cũng trình diễn các tác phẩm sáng tạo nghệ thuật lấy cảm hứng từ di sản nhờ sự hỗ trợ của Hội đồng Anh với sáng kiến Connecting Heritage (Kết nối di sản). Tại đó, buổi hòa nhạc "Lost Legends" (Truyền thuyết lãng quên) được tổ chức tại xưởng phim cũ ở Thụy Khuê. Một phần của buổi hòa nhạc là tiết mục trình diễn đa phương tiện mang tên "Hở Nguyệt Cô hóa cáo" của nghệ sĩ Kim Ngọc.

"Hở Nguyệt Cô hóa cáo" là một vở

bí kịch nổi tiếng của sân khấu Tuồng truyền thống ở Việt Nam. Câu chuyện kể về một con cáo do tu luyện ngàn năm mà đạt được một viên ngọc quý. Nhờ viên ngọc, nó có thể biến thành một cô gái đẹp, tên gọi là Nguyệt Cô. Xuống hạ giới, Nguyệt Cô đem lòng yêu một viên tướng đầy tự phụ và sau đó bị người này lừa lấy đi viên ngọc. Mất đi phép màu của mình, cô trở lại hình hài một con cáo và cuối cùng chết trong đau đớn. Câu chuyện huyền thoại này là một lời nhắc nhở về hậu quả của lòng tin đặt nhầm chỗ và sự phản bội trong tình yêu.

Kim Ngọc đã thổi vào câu chuyện cổ này một làn gió mới. Trên sân khấu, hai màn hình cùng chiếu hình ảnh nghệ sĩ tuồng trình diễn một phân đoạn của vở tuồng truyền thống kết hợp với phần kể chuyện về huyền thoại này. Đồng thời, hình ảnh được hòa trộn xuất sắc với phần biểu diễn trực tiếp nhạc cụ phương Tây của năm nghệ sĩ. Nhớ lại hành trình sáng tạo tác phẩm này, Kim Ngọc kể: "Vở diễn này đặt ra các khái niệm và yếu tố đối nghịch nhau như quá khứ và tương lai, Đông và Tây, phim và âm nhạc để tạo ra những lớp khác nhau cho một cái biểu đạt. Mình muốn người xem đứng ở giữa những lớp ấy để tiếp nhận tác phẩm theo cách của họ".

Kim Ngọc chỉ ra rằng không phải mọi nghệ sĩ đương đại đều có nhu cầu khai thác di sản văn hóa khi tìm kiếm tiếng nói riêng của mình. Nhưng cô nói thêm rằng "trong một xã hội như Việt Nam, vấn đề kết nối với di sản rất là quan trọng bởi nó giống

như một bản dạng văn hóa mà không thể từ chối. Một số dự án nghệ thuật liên hệ với Connecting Heritage đã xuất hiện. Nếu không có Connecting Heritage thì mấy năm vừa rồi có khi là những dự án ấy chưa được ra đời."

[▶ Xem phim ngắn tại đây](#)



DI SẢN KẾT NỐI

NHẠC MIỆNG
VỚI TRỐNG
TRUYỀN THỐNG

GIÁ TRỊ
CỦA DI SẢN
TRONG THẾ GIỚI
TOÀN CẦU HÓA



Lòng yêu đời của Hoàng Anh rất dễ lan tỏa. Trong căn phòng nhỏ của một căn nhà cổ thời Pháp thuộc, vừa lướt nhanh qua vô số những đoạn video ngắn, chàng trai trẻ vừa phần khích kể lại những câu chuyện về những dự án truyền thông khá phong phú của mình. Những gì cậu cho tôi xem đều rất ấn tượng, thậm chí là hơi choáng ngợp: từ những video âm nhạc hào nhoáng về những ban nhạc xuất hiện rồi lại tàn đến những đoạn video về quá trình tìm học âm nhạc truyền thống với những nghệ sĩ cao tuổi; từ những đoạn quảng cáo trên truyền hình của công ty “Fly in the Dust Media House” của cậu đến những đoạn phim tư liệu thô của những chuyến phưu lưu mạo hiểm đây đó trên chiếc xe máy Liên Xô sản xuất cách đây vài thập niên.

Giờ đây ở độ tuổi gần 30, Hoàng Anh thuộc về thế hệ dùng internet thường xuyên ngồi nhà hưởng thụ văn hóa toàn cầu hơn là gắn bó với các truyền thống của Việt Nam trong quá khứ. Nhưng cậu muốn thay đổi điều này. Dùng sức mạnh của các công nghệ truyền thông mới, Hoàng Anh hướng tới việc tạo cảm hứng cho thế hệ của mình nhằm kết nối lại với di sản và thay đổi nhận thức phổ biến rằng văn hóa bản địa đã lạc hậu và không còn quan trọng nữa.

Thực hiện dự án ‘See the Sound’ (Nhìn thấy âm thanh), do Quỹ Nhạc, Phim và Lưu trữ của Hội đồng Anh tài trợ, Hoàng Anh làm việc với các nhạc sĩ từ các thế hệ khác nhau để kết nối cái cũ với cái mới. Trong bộ phim, chúng ta thấy một Trung Bảo là chàng

trai Việt kiểu Mỹ trẻ tuổi hòa tấu nhạc miệng với anh Chí là một nghệ sĩ chơi trống Chèo truyền thống đã cứng tuổi. Để thu hút thế hệ trẻ sống chủ yếu trong môi trường truyền thông xã hội, những đoạn trình diễn giàu sáng tạo này được quay theo cách rất hiện đại. Hoàng Anh nghĩ rằng sự kết hợp như thế rất có thể sẽ làm bật lên sự phù hợp của di sản văn hóa với bối cảnh xã hội đương đại. Cậu muốn “mang một hơi thở, một cây cầu nối giữa truyền thống, giữa thế hệ xưa cũ đó đến với thế hệ hiện tại bằng một cái cách mới, đó là ‘media’” (công nghệ truyền thông mới).

Niềm đam mê văn hóa bản địa của Hoàng Anh được đánh thức bởi một trực giác trong chuyến đi bằng xe máy đến vùng núi phía Bắc. Khi lang thang đến một khu vực hoang sơ ở Yên Bái, cậu lạc vào một ngôi đền dường như không người viếng thăm. Tò mò, cậu bước vào và khi chuẩn bị rời đi thì một người phụ nữ cao tuổi xuất hiện. Người này hỏi tại sao biết đường tìm đến đền thờ Mẫu. Hoàng Anh trả lời rằng mình chỉ thích tìm đến nơi hoang vắng, ít người qua lại. Nhưng người phụ nữ nói cậu “có duyên”, rằng bởi “Mẫu thương” nên cậu mới đến được đền này. Người này còn than vãn rằng vẻ đẹp văn hóa Việt Nam sẽ phai nhạt đi nếu người ta cứ quay lưng với tín ngưỡng truyền thống, chẳng hạn như tín ngưỡng thờ Mẫu.

Rung động bởi lòng thành và sự sùng kính của người phụ nữ ấy, Hoàng Anh bắt đầu suy nghĩ sâu hơn về giá trị của di sản trong thế giới đã toàn cầu hóa. Dù thích cách internet đã xóa nhòa đi những biên giới, cậu



lo ngại về điều sẽ xảy ra với văn hóa Việt Nam nếu các nghệ sĩ trẻ cứ vội lao theo theo các xu thế toàn cầu và xa rời di sản văn hóa của chính dân tộc mình. Hoàng Anh cho rằng chúng ta cần “bỏ qua những khoảng thời gian đứt gãy về văn hóa trong quá khứ. Nhưng thời điểm hiện tại thì ở Việt Nam sẽ bắt đầu xuất hiện những thế hệ mới tìm lại những cái giá trị xưa cũ đó. Không phải để chối từ văn hoá hiện đại mà để xây dựng cuộc sống, rồi văn hoá đương đại một cách sâu sắc hơn, nó nhiều tình cảm hơn và mang nhiều sự giá trị tốt đẹp của quá khứ hơn.”

 [Xem phim ngắn tại đây](#)

DI SẢN KẾT NỐI

' N G U Ờ I T Ì N H
K H Ô N G
C H Â N D U N G '

—
Đ I Ê N Ả N H
M I Ê N N A M V I Ê T N A M
T R U Ớ C 1 9 7 5



Năm 2019, nhà phê bình phim Lê Hồng Lâm thực hiện một chuyến đi dài quanh nước Mỹ, qua 10 thành phố ở 5 tiểu bang. Anh thực hiện chuyến đi này để tìm gặp những đạo diễn và diễn viên nổi tiếng của điện ảnh Sài Gòn vào thời hoàng kim của nó - giai đoạn trước năm 1975. Từ tư liệu thu thập được, Lâm viết cuốn sách Người tình không Chân dung: Khảo cứu Điện ảnh miền Nam Việt Nam Giai đoạn 1954- 1975.

Theo Lâm, đã có một ngành công nghiệp phim ảnh ở miền Nam rất phát triển trong giai đoạn này, với hơn 300 bộ phim được làm ra. Hầu hết các bộ phim do các hãng tư nhân sản xuất, vào thời điểm mà đi

xem phim ở rạp đang trở thành một hình thức giải trí phổ biến. “Trong giai đoạn đầu từ những năm 50-60, chủ đề chủ yếu của các bộ phim là về tình yêu đôi lứa. Cho tới khoảng những năm 70, trong bối cảnh chiến tranh, bắt đầu xuất hiện các bộ phim phản ánh cái nhìn về thời cuộc và về thân phận con người”, Lâm cho biết.

Nhiều ngôi sao điện ảnh đã xuất hiện trong giai đoạn đặc biệt của lịch sử điện ảnh này nhờ sức sáng tạo và những thể nghiệm của các đạo diễn người Việt, nhiều người trong số đó được đào tạo ở nước ngoài. Những ngôi sao điện ảnh ấy được công chúng yêu thích đến nỗi ngày nay vẫn

được nhắc đến trong nhiều giai thoại. “Nhưng để nói về một bộ phim cụ thể thời ấy thì rất ít người nói được vì gần như chúng biến mất rồi, hoặc nếu còn thì các bản lưu trữ chất lượng rất kém và khó tiếp cận”, Lâm giải thích với sự tiếc nuối.

Để vượt qua những khó khăn này, Lâm quyết định phải tìm gặp những người còn sống mà trước đây có vai trò chính trong lĩnh vực điện ảnh ở Sài Gòn. Vấn đề là hầu hết những diễn viên và đạo diễn nổi tiếng đã sang định cư ở Mỹ sau khi chiến tranh kết thúc năm 1975. Vừa lúc Lâm nhận được tài trợ của quỹ Nhạc, Phim và Lưu trữ (FAMLAB) của Hội đồng Anh mà nhờ đó anh có thể đi xa để thu thập tư liệu. Tuy nhiên, những khó khăn khác lại xuất hiện. Nhiều diễn viên đã không còn sống với nghề khi họ rời Việt Nam, một số lại từ chối không gặp mặt vì những lý do cá nhân. Đồng thời, rất khó tìm gặp họ vì những người này sống rải rác ở nhiều nơi ở nước Mỹ. Sau cùng, mong muốn của Lâm được đền đáp khi đã diện kiến và phỏng vấn những “thần tượng điện ảnh một thời” như nam diễn viên Trần Quang và các nữ diễn viên Kiều Chinh và Kim Vui.

Cuộc gặp mặt với Kiều Chinh tại nhà riêng ở California đặc biệt đáng nhớ với Lâm. Hơn 6 giờ, Kiều Chinh ôn lại với nhiều cảm xúc những kỷ niệm về sự nghiệp điện ảnh của mình ở Sài Gòn, bắt đầu với phim Hối chuông Thiên Mụ (1957). Sau đó, cô còn đóng nhiều phim trong những năm 1960 nhưng phải đến vai nữ chính trong Người tình không Chân dung (1971), cô thực sự trở thành

một ngôi sao. Trong bộ phim bi tráng này, một cô gái xinh đẹp rời Sài Gòn đi vào chiến trường hiểm nguy để tìm kiếm một người lính cô nguyện sẽ yêu. Cuối cùng, cô cũng tìm thấy anh lính đó, nhưng trong tình trạng bị thương nặng và khắp người quần đầy băng gạc. Kiều Chinh cũng cho Lâm biết về sự nghiệp điện ảnh của mình sau 1975, đặc biệt là sự xuất hiện trong bộ phim Mỹ khá nổi tiếng là Phúc Lạc hội (1993). Cho tới nay, cô thuộc số rất ít diễn viên điện ảnh Việt Nam sau khi di cư sang Mỹ đạt những thành công đáng kể trong nghề nghiệp.

Lâm dành 2 năm cho việc viết cuốn sách, và có nhiều lúc anh thấy khá nản lòng. Mặc dù chuyến đi Mỹ cũng như những phỏng vấn với các nhà làm phim và ngôi sao còn sống trong nước giúp anh hiểu biết thêm rất nhiều về điện ảnh Sài Gòn, vẫn rất khó để kiểm chứng các nguồn thông tin cũng như tư liệu thu thập được. Muốn đưa ra những nhận định thẳng thắn cũng không hề dễ dàng bởi vì nói đến bối cảnh lịch sử và văn hóa ở miền Nam giai đoạn trước năm 1975 này vẫn được cho là nhạy cảm về chính trị. Với Lâm, điện ảnh Sài Gòn 1954-1975 là một phần của lịch sử không thể chối bỏ nhưng rất ít người biết đến. Có nguy cơ là nhiều phần của lịch sử này sẽ biến mất mãi mãi nếu ngay bây giờ không bảo tồn và tài liệu hóa nó. Qua việc giới thiệu cuốn sách đến bạn đọc, Lâm hi vọng rằng nhiều người sẽ thấy được một phần rất giá trị của di sản điện ảnh Việt Nam.

DI SẢN KẾT NỐI

THẬT
VÀ ĐẸP

CẢI LƯƠNG
SẼ KHÔNG THẤT BẠI

Không còn sân khấu, không còn khán giả và Cải lương đang thất bại. Đó là cảm nhận đầy xót xa trong lòng những nghệ sĩ và người yêu mến Cải lương, những người từng chứng kiến thời hoàng kim của nghệ thuật này vào những năm 1950-1960 ở miền Nam. Nhưng chỉ tiếc nuối hay trăn trở về nguyên do Cải lương hiện nay mất đi tính phổ biến và hấp dẫn sẽ không giúp ích được nhiều. Cần có những hành động cụ thể để góp phần làm cho nghệ thuật này có thể hấp dẫn trở lại.

Đạo diễn sân khấu Hồng Dung là người từ lâu đã giành tâm huyết cho việc phục hồi Cải lương. Sinh ra trong gia đình nghệ sĩ nổi tiếng, sân khấu Cải lương đã là một phần của cuộc sống thường ngày của chị trong suốt thời gian lớn lên và trưởng thành. Khi thấy khán giả Cải lương suy giảm vào thập niên 80, chị quyết tâm làm mọi thứ có thể để hỗ trợ nền nghệ thuật này. Hồng Dung xác định một quan điểm rõ ràng về nguyên nhân khiến Cải lương suy thoái và cần bắt đầu từ đâu để công chúng có thể thưởng thức một nghệ thuật Cải lương đúng nghĩa. “Mới xem qua thì thấy giản dị nhưng thực sự Cải lương rất tinh tế. Vì thiếu những nghiên cứu đầy đủ mà nhiều người không nắm được chân giá trị của nghệ thuật này”, chị nói.

Các quan điểm về Cải lương của Hồng Dung có căn rễ từ chính di sản mà cha mình, nghệ sĩ Năm Châu, để lại. Ông là soạn giả nổi tiếng, với những vở như Men rượu hương tình, Vợ và tình, hay Sân khấu về khuya. Đọc lại những tác phẩm của cha, Hồng Dung nhấn mạnh hai nguyên tắc cốt lõi

của Cải lương là “Thật và Đẹp”, vốn có thể thấy rõ trong Sân khấu về khuya. Vở diễn này kể về một cặp vợ chồng nghệ sĩ trẻ từng rất ăn ý với nhau trên sân khấu. Nhưng rồi họ ly tan khi người chồng rời bỏ làm nghệ thuật chân chính để đi theo cám dỗ vật chất. Hồng Dung chia sẻ rằng vở này thể hiện rõ quan điểm nghệ thuật của Năm Châu rằng Cải lương phải phải luôn tôn thờ nghệ thuật thuần túy, còn nếu chạy theo thị hiếu tầm thường thì sẽ đánh mất chính mình.

“Cái mà ông đã nghĩ suy và sống trọn cuộc đời của ông là cái mình phải suy tôn”, Hồng Dung nói về sứ mệnh của mình như thế. Vì thế, vị đạo diễn này bắt đầu với việc mở lớp dạy về cải lương từ những gì cơ bản và chuẩn mực nhất. Đó là lý do cho việc triển khai Dự án Truyền dạy Cải lương mà chị tìm được tài trợ từ chương trình Di sản văn hóa cho sự phát triển đồng đều của Hội đồng Anh. Theo đó, ngay giữa trung tâm Sài Gòn náo nhiệt, lớp dạy hát Cải lương được khai mở. Trước sự ngạc nhiên của chị, khá nhiều người trẻ tuổi tìm đến để đăng ký. Lớp học đầu tiên với 30 học viên được triển khai và hơn 10 người trong số đó tiếp tục theo học lớp nâng cao.

Dù khác nhau về xuất xứ, nghề nghiệp và học vấn, học viên đều là những người say mê hát cải lương. Anh Hiếu, một trong các học viên, là người hoạt động trong lĩnh vực du lịch, cho biết mình đã học được rất nhiều từ những lớp truyền dạy này. Anh nói: “dù đã hát Cải lương từ nhỏ, nhưng chỉ khi vào lớp học mới biết cần ngưng bao nhiêu

nhịp để hát tiếp cho khớp với giai điệu và đưa cảm xúc vào câu hát”. Những gì học được khiến anh giờ đây rất tự tin khi biểu diễn và giới thiệu về Cải lương như là nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam cho khách du lịch quốc tế. Anh Hiếu tin rằng Cải lương có thể sống lại trong lòng công chúng khi làm cho khán giả có thể đắm chìm trong sân khấu nơi có ca sĩ và nghệ sĩ nhạc cụ biểu diễn trực tiếp.

Sự nhiệt tình của những học viên như anh Hiếu vượt xa trông đợi của đạo diễn Hồng Dung. Chị kể rằng: “Học xong rồi các em vẫn liên lạc với nhau, thỉnh thoảng kêu gọi nhau đi biểu diễn. Có người học xong về còn mở lớp dạy cho người khác hát”. Lòng đam mê Cải lương bộc lộ trong học viên khiến chị có thêm động lực để tiếp tục mở các lớp truyền dạy trong tương lai. Chị cũng sẽ tiếp tục nghiên cứu để phục dựng lại những vở mẫu mực của cha mình, với hy vọng rằng những thế hệ khán giả mới sẽ thấy rõ ràng hơn cái Đẹp của sân khấu Cải lương.





CHỖ DÂN CA MÔNG XUỐNG PHỐ

Khi đó, đêm đã chuyển sang ngày mới và trong căn phòng chật chội ở Hà Nội, Giàng A Bê vẫn đang căng mắt biên tập phim trên chiếc máy tính cũ kỹ và han rỉ. Bê không thể ngủ nổi vì rất phấn khích khi bộ phim tài liệu đầu tay của mình về âm nhạc của người Mông có tên “Hành trình dân ca” sắp hoàn tất.

Bộ phim dài 30 phút là kết quả của một dự án kéo dài 9 tháng của Bê và nhóm các bạn trẻ người Mông mang tên Âm nhạc của chúng mình. Dự án do quỹ Phim, Nhạc và Lưu trữ (FAMLAB) của Hội đồng Anh tài trợ này nhằm khám phá lại những thực hành văn hóa của dân tộc Mông đang phai nhạt mau chóng và chia sẻ với các thế hệ trẻ dưới những hình thức mới mẻ và dễ tiếp cận hơn. Bê cho biết hiện nay rất hiếm người Mông dưới 30 tuổi biết chơi nhạc cụ hay hát dân ca Mông truyền thống vì thế anh muốn tìm ra những cách thức mới mẻ để tái kết nối người Mông với di sản văn hóa của họ.

Bê vừa tốt nghiệp Đại học Văn hóa Hà Nội nhưng là người được sinh ra và lớn lên ở tỉnh Yên Bái. Để thực hiện dự án này, nhóm của Bê đi nhiều chuyến về vùng núi rừng phía Bắc nơi có các cộng đồng Mông cư trú. Họ đi tìm những nghệ nhân còn chơi các nhạc cụ cổ truyền hoặc vẫn hát dân ca để xin được ghi hình và thu âm lại. Về truyền thống, khi người Mông hát dân ca, thường họ thể hiện rất tự do và không cần âm nhạc. Nhưng khi trở về Hà Nội, nhóm của Bê tiến hành dịch lời bài hát dân ca ra tiếng Kinh và bắt đầu thử nghiệm ghép nhạc trẻ đương đại vào đó. Một trong số bài được chọn là “Tiếng hát chọn chồng” do được nhiều người yêu thích về vẻ đẹp của câu từ và ý nghĩa về văn hóa. Nội dung bài hát là lời khuyên các cô gái Mông trẻ về cách chọn cho mình một người chồng tốt. Trong phiên bản “hiện đại” của nhóm Bê, giọng nữ ngân lên lúc trầm lúc bổng hòa cùng tiếng sáo và khèn truyền thống, và tất cả cùng “trôi” trên nhịp trống điện tử.

Bê là một thành viên tích cực của nhóm Hành động vì sự phát triển của cộng đồng Mông (AHD). Đây là tổ chức tình nguyện của thanh niên Mông, hoạt động nhằm thay đổi các nhận thức chưa đúng về người dân tộc thiểu số và giới thiệu các giá trị văn hóa Mông đến với cộng đồng người Việt rộng lớn hơn. Trong ký ức từ thời thơ ấu, Bê kể rằng Bố mình là một bậc thầy về các nhạc cụ cổ truyền của người Mông như khèn và sáo. Nhưng Bê thực sự chỉ nhận ra giá trị và bắt đầu tự học cách chơi những nhạc cụ truyền thống khi ông đã qua đời. Sự đứt gãy trong bản sắc và thực hành văn hóa Mông mà hệ quả của nó diễn ra với chính Bê khi bố của mình mất sớm đã trở thành một trong những động lực chính để anh thực hiện dự án này.

Ngày 28 tháng 12 năm 2019, nhóm của Bê tiến hành buổi chiếu phim và trò chuyện cùng các nghệ sĩ hát dân ca Mông tại Ủy Ban Dân tộc ở thủ đô Hà Nội. Bộ phim tài liệu Một lối tìm về dân ca được trình chiếu trước sự chứng kiến đầy xúc động của cộng đồng Mông trong đó có mẹ của Bê. Trên màn hình lớn, khung cảnh cuộc sống thường ngày của người Mông, trang phục truyền thống, các nhạc cụ và những khuôn mặt hiện lên thật rực rỡ và đẹp đẽ. Trong khán phòng, giọng dân ca Mông vang lên biết bao yêu đời và thực sự người hát không sao giấu được niềm tự hào khi trình diễn văn hóa của dân tộc mình. Sự kiện "chở dân ca xuống phố" này là một dấu mốc khó quên trong cuộc đời của Giàng A Bê và bạn bè. Họ hy vọng rằng những bài dân ca Mông họ sưu tầm và giới thiệu sẽ tạo cảm hứng cho mọi người đi tìm hiểu sâu hơn về vẻ đẹp và những giá trị cốt lõi của văn hóa người Mông.





DI SẢN KẾT NỐI

ÂM ĐIỆU ĐẮM SAY
CỦA TRỐNG GHI NẶNG:
TRẺ EM LÀM PHIM
VỀ DI SẢN VĂN HÓA
DÂN TỘC CHĂM



Năm 2019, Thắng cùng các bạn quyết định thực hiện một bộ phim tài liệu về hành trình chính cậu tìm đến nghệ nhân cao tuổi trong làng để học cách chơi một loại nhạc cụ cổ truyền. Bộ phim dài hơn 8 phút có tên “Thắng-cậu bé học trống” thể hiện cách nhìn của trẻ em về di sản ở làng Chăm Bình Nghĩa thuộc xã Bắc Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

“Nhóm của em làm phim để giúp người xem hiểu về truyền thống văn hóa của người Chăm, về các nhạc cụ dân tộc của người Chăm”, Thắng cho biết. Bộ phim tập trung vào trống Ghi năng, một loại trống dài khoảng gần 1 mét, đục từ thân gỗ cứng, với hai mặt được bọc da trâu. Khi biểu diễn, cần có một cặp đôi đánh kết hợp hai chiếc trống cùng lúc. Mỗi người tạo ra âm thanh khác nhau do đánh bằng đùi vào một mặt, còn mặt kia thì vỗ bằng bàn tay.

Về mặt lịch sử, người Chăm ở Việt Nam bị ảnh hưởng bởi văn hóa Hindu từ Ấn Độ, và

hầu hết người Chăm ở Bình Nghĩa theo một dạng thức của đạo Bà la môn đã được bản địa hóa rất nhiều. Âm nhạc là yếu tố không thể thiếu trong các nghi lễ tôn giáo. Âm thanh dành cho thần linh và tổ tiên của họ được tạo ra với tiết tấu nhanh và sự rộn rã, nhờ sự kết hợp bộ ba cơ bản gồm trống Ghi năng, trống Pa ra nung, và kèn Sa ra nai.

Theo quan niệm của người Chăm, ba nhạc cụ này tượng trưng cho con người và vũ trụ thu nhỏ vào trong một tổng thể hoàn chỉnh: kèn Saranai cho âm bổng ở trên, trống Pa ra nung cho âm trung ở giữa, và trống Ghi năng tạo âm thanh trầm ở bên dưới.

Thắng chọn học trống Ghi năng “bởi vì trống phổ biến trong làng. Tiếng trống rất to, âm thanh rất hay. Nghi lễ dùng trống Ghi năng thì nhiều, ở làng cứ 1-2 tháng thì lại có”. Với sự mê say đó, cứ ngoài giờ học hay thời gian làm việc giúp bố mẹ là Thắng lại vội đến nhà nghệ nhân Sầm Tánh trong làng để tập luyện.



Những tiến bộ và lòng nhiệt tình của cậu được thể hiện vào trong bộ phim. Sau nửa năm, Thắng đã làm chủ các kỹ thuật cơ bản về trống Ghi năng và chơi được một số bài.

Mơ ước của cậu bé sau này là được đánh trống Ghi năng tại lễ hội Ka tê - lễ hội lớn nhất trong năm tổ chức tại các đền tháp cổ xưa nổi tiếng của người Chăm.

Cùng với phim về Thắng, các nhóm trẻ em khác trong làng cũng làm các bộ phim khác. Trước đó, các em học sinh ở trường phổ thông cấp 2 trong xã Bắc Sơn được chọn tham gia khóa đào tạo ngắn về lý thuyết và các kỹ năng cơ bản trong sử dụng máy quay và máy tính để làm phim. Khóa học là sáng kiến thuộc dự án Di sản văn hóa cho sự phát triển đồng đều của Hội đồng Anh.

Trong thời gian gần bốn tháng, ba bộ phim ngắn của ba nhóm rất sống động về hình ảnh và âm thanh đã được hoàn thành. Cuộc sống của người Chăm hiện dần ra với cảnh

đồng lúa xanh, dãy núi mờ xa, cánh quạt điện gió khổng lồ, những mái ngói nâu đỏ, con đường làng nhỏ bé, những mảnh vườn ngập nắng... Trên bức nền ấy, trống Ghi năng nổi bật như một biểu trưng văn hóa đầy tự hào.

Ba bộ phim tiếp cận nhạc cụ này ở những góc độ khác nhau, từ quan niệm về trống, vai trò của trống trong nghi lễ tôn giáo, kỹ thuật làm trống, cho đến nghệ nhân đánh trống và người học đánh trống. Để hoàn thành các dự án của mình, các “nhà làm phim tuổi teen” phải nỗ lực vượt qua những khó khăn về ý tưởng, kịch bản, kỹ thuật quay phim và lồng ghép âm thanh. Biên tập hình ảnh cũng là vấn đề gây tranh cãi, bởi thời lượng các cảnh quay có thể lên tới vài giờ đồng hồ nhưng bộ phim khi hoàn tất chỉ còn dưới 10 phút. Quá trình làm phim đã kết nối sự ham mê công nghệ hiện đại của thế hệ trẻ ngày hôm nay với khám phá và chia sẻ văn hóa truyền thống.

Theo cách đó, các em được trao quyền để có thể đóng góp cho việc gìn giữ những di sản âm nhạc và tôn giáo của dân tộc mình.

Trong niềm vui của các bạn trẻ về thành quả làm phim của mình, có sự hài lòng của người lớn tuổi trong làng. Theo nghệ nhân Sầm Tánh, trong làng ông hiện chỉ còn rất ít người thành thạo về trống. Ông cho biết, do cảm hứng từ sự ham học hỏi của trẻ em, “các thầy cũng cố gắng tạo nghề cho nó, truyền lại cho nó, để đừng có mất đi truyền thống”.



DI SẢN KẾT NỐI

GIEO “HẠT MẦM”
CHO TƯƠNG LAI CỦA
VĂN HÓA CỒNG CHIÊNG



Đánh cồng chiêng là một thực hành văn hóa rất đặc trưng của người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Năm 2005, UNESCO đã công nhận không gian văn hóa cồng chiêng là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại. Dù được thừa nhận ở phạm vi quốc tế như thế, những biến đổi văn hóa mạnh mẽ trong những năm gần đây khiến cho truyền thống này trở nên phai nhạt. Nhằm hỗ trợ việc trao truyền văn hóa cồng chiêng của người Bahnar, Hội đồng Anh thử nghiệm một chương trình tại một trường học phổ thông ở Kon Tum trong dự án Di sản văn hóa cho sự

phát triển đồng đều. Vào năm 2019, những nghệ nhân giàu kinh nghiệm từ những buôn làng được mời tới truyền dạy tại trường Phổ thông dân tộc nội trú Kon Rẫy – trường dành cho con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Có 45 em học sinh ở độ tuổi 15-16 tham gia, được tổ chức thành 3 lớp.

Học cách đánh cồng chiêng theo đội giúp các em có được hiểu biết sâu sắc hơn về văn hóa. Cô Y Mai Phương, người trực tiếp phụ trách các lớp học này, cho biết các em không chỉ được dạy kỹ thuật đánh cồng chiêng mà còn được giảng giải về ý nghĩa và ngữ cảnh văn hóa của mỗi bài. Chẳng hạn như bài cồng chiêng nào trước đây được đánh để mừng nhà Rông mới, mừng lúa mới hay bài nào để mừng chiến thắng. “Với lớp học mới này, các em được đào tạo bài bản hơn, biết đánh nhiều bài hơn và có thể tự dạy cho nhau”, cô nói.

Đồng thời, nhà trường còn tổ chức riêng một lớp học cho các học sinh nữ. Thầy hiệu trưởng Trần Đạo nói đây là một ý tưởng nhằm thúc đẩy bình đẳng giới. Theo phong tục truyền thống, việc đánh cồng chiêng chỉ dành cho nam nhưng theo thầy điều quan trọng là mọi học sinh đều có cơ hội tham gia lớp học. Y Đào, một nữ học sinh lớp 9 được chọn vào lớp này kể lại rằng ban đầu việc cô bé rất vụng về khi phải cố nâng cái chiêng nặng bằng đồng với vóc dáng nhỏ bé của mình. Nhưng rồi Đào mau chóng làm quen với việc đánh chiêng nhờ chăm chỉ tập luyện. Các bạn trong lớp dành cho nữ của Đào cũng đều rất cố gắng để đội của mình không



thua kém đội của các bạn nam. Khi được hỏi lý do tham gia lớp học, Y Đào nói: “Học đánh cồng chiêng giúp em biết nhiều hơn về văn hóa chính dân tộc mình”.

Khi các lớp học bế giảng, cả 3 đội biểu diễn trước toàn trường. A Nghiệp thuộc đội cồng chiêng nam kể lại rằng khi nghe các bạn hò hét vỗ tay cổ vũ, thấy mình được hâm mộ nên rất hân diện và vui sướng. Trải nghiệm này tạo cho em quyết tâm trở thành một người đánh cồng chiêng giỏi. Cậu nói: “em muốn trở thành nghệ nhân như các thầy để biết đánh nhiều bài hơn, để sau này truyền dạy lại cho các em”.

Già làng A Jring Deng là một trong những nghệ nhân được mời lên dạy ở trường. Trước đó, ông đã rất lo lắng về hiệu quả của lớp học vì nhận thấy trong cộng đồng mình ngày càng có ít người trẻ quan tâm và tham gia đánh cồng chiêng mỗi khi buôn làng có lễ

hội. Nhưng ông thực sự ấn tượng về cố gắng tập luyện của các em học sinh. Nhiều năm qua, A Jring Deng luôn tìm cách giúp mọi người trong cộng đồng mình nhận thức tốt hơn về di sản văn hóa này. “Khi động viên các em trẻ học về văn hóa cồng chiêng, thì mình nói đây là phong tục của chúng ta, không thể không có. Về tâm linh, ông bà đã khuất rồi nhưng họ vẫn muốn nghe. Đánh cồng chiêng cũng là đền ơn, để có sự phù hộ của tổ tiên”.

Hội đồng Anh cũng tài trợ già làng A Jring Deng mở các buổi truyền dạy nghệ thuật đánh cồng chiêng cho trẻ em ngay trong làng của mình. Những hi vọng lại được nhen lên trong ông về khả năng giữ được sức sống của văn hóa cồng chiêng. Đây đó trên vùng đất Tây Nguyên bạt ngàn núi đồi, những “hạt mầm” cho tương lai của di sản này vẫn đang được tiếp tục gieo trồng.

DI SẢN KẾT NỐI

TRÌNH DIỄN
NGHỆ THUẬT
SỐNG
Ở HÀ NỘI

HIỆU ỨNG
NHẠC BOLERO



Hai người phụ nữ mặc váy đỏ khá sang trọng đứng trên cầu thang. Họ hát những lời đan xen nhau trên nền nhạc duy nhất do chiếc vi-ô-lông-xen tạo ra: "Trên một con sóng của nỗi buồn", "tôi chưa bao giờ biết nỗi sợ đến thế này". Một cặp đôi mặc nguyên quần áo nằm bên nhau ở trên giường, mắt nhìn sâu vào khoảng không vô định. Họ lặp lại những cụm từ đầy bí ẩn như "hiện hữu", "im lặng", "họ sẽ tới", "gửi một lá thư". Người chỉ huy điều khiển nhóm ca sĩ ngồi xung quanh một cái bàn sau bữa tối dưới ánh nến huyền hoặc. Những lời kết của bài hát ngân lên: "Một lời nói tạm biệt nửa thôi. Một lời thôi."

Đây là những phân cảnh của một buổi trình diễn nghệ thuật sống có tên gọi "Hiệu ứng Bolero", diễn ra tại một ngôi nhà ở Hà Nội vào tháng 12 năm 2019. Công trình sáng tạo của nghệ sĩ Moi Tran này biến một

ngôi nhà bình thường thành một không gian khác lạ cho một trải nghiệm mạnh mẽ. Vượt qua những rào cản truyền thống giữa diễn viên và người xem, khán giả được tương tác với nhóm diễn viên, đứng cùng với họ trong lối đi trong nhà hay ở cầu thang, trong bếp hay ở phòng ngủ. Moi Tran cố ý viết ngôn từ của vở diễn một cách mơ hồ và vụn vặt để có thể tạo ra những cách hiểu khác nhau. Thay vì áp đặt một lối tự sự theo tuyến tính, Moi Tran nói cô muốn tạo ra một "không gian hiện hữu" như một nền tảng chung để kích thích những trò chuyện về người Việt di cư và về bản sắc văn hóa xuyên quốc gia.

Moi Tran sinh ra ở Quảng Ninh thuộc miền Bắc Việt Nam. Mang trong mình dòng máu Trung Quốc, cô phải rời Việt Nam khi còn là đứa trẻ từ cuối thập kỷ 70 của thế kỷ 20. Giờ đây, với tư cách là một nghệ sĩ chuyên

ngiệp làm việc ở sân khấu London, Moi Tran nhận tài trợ từ dự án Quý Nhạc, Phim và Lưu trữ (FAMLAB) của Hội đồng Anh để trở về Việt Nam thực hiện một dự án hợp tác và có tính liên ngành. Trong thời gian 3 tháng, cô làm việc với một nhóm sáng tạo nghệ thuật ở Hà Nội, gồm giám tuyển Đỗ Tường Linh và nhạc sĩ Tú Nguyễn. Nhóm này hợp tác với một đoàn nghệ thuật cộng đồng, trong đó có nhiều diễn viên không chuyên. Mục đích của dự án là tạo ra một diễn đàn mở để những người bên lề có cơ hội lên tiếng.

Ý tưởng về buổi trình diễn xuất phát từ cảm hứng về Bolero, một loại nhạc phổ biến với một lịch sử phức tạp và nhiều tranh cãi. Nhạc Bolero xuất hiện ở miền Nam vào những năm 60 của thế kỷ 20, nhưng bị cấm ở miền Bắc và bị phê phán vì "ủy mị" và "sến". Sau khi chiến tranh kết thúc năm 1975, nhạc Bolero tiếp tục phổ biến trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Với Moi Tran, việc nghe các bài hát trên nền nhạc Bolero vào những khi cộng đồng tụ họp, khi đang lớn lên ở nước Anh, là một trải nghiệm có tính nền tảng. Cô nói nhạc Bolero là một chất xúc tác đầy cảm xúc cho việc chuyển chờ ký ức và diễn tả cảm giác buồn bã và khát khao vốn khó có thể nói lên lời. Từ những năm 90, nhạc Bolero thịnh hành trở lại ở Việt Nam và các diễn viên đã chọn tham gia dự án "Hiệu ứng Bolero" bởi họ có sự kết nối cảm xúc rất mạnh mẽ với âm nhạc. Do sức mạnh xuyên biên giới và đánh thức cảm xúc, âm nhạc là một phương tiện lý tưởng để khởi đầu những trò chuyện về bản sắc xuyên quốc gia.



Về chuyến trở lại Hà Nội để thực hiện dự án "Hiệu ứng Bolero", Moi Tran nói cô muốn biết người Việt nhìn nhận mình như thế nào trong các cộng đồng xuyên quốc gia khác nhau. Theo cô mục tiêu sau cùng của dự án là "tìm ra tương lai của các mối quan hệ và những kết nối giữa cộng đồng người Việt ở hải ngoại và ở trong nước. Làm thế nào để chúng ta biết cách cảm thông, thấu hiểu và ý thức rõ về những cuộc đời khác nhau mà mọi người đã và sẽ tiếp tục sống, để rồi tất cả cùng chấp nhận một lịch sử chung? Qua quá trình tập thể cùng khởi tạo một tác phẩm nghệ thuật, qua trình diễn và cùng nhau lắng nghe âm nhạc, "Hiệu ứng Bolero" tạo ra một không gian để khám phá những chủ đề đầy trần trụi này.

L Ờ I C Ả M ƠN

Chúng tôi rất hân hạnh khi thực hiện dự án này và xin được gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến tất cả những người tham gia dự án đã kể cho chúng tôi nghe câu chuyện đầy cảm hứng của mình. Không có sự cởi mở và hào phóng của họ, chúng tôi không thể hoàn thành công việc của mình. Chúng tôi hi vọng rằng cuốn sách này và những bộ phim ngắn tương ứng lưu trữ trực tuyến sẽ giúp nâng cao nhận thức về giá trị của di sản văn hóa và tiềm năng biến đổi của nó. Chúng tôi

xin trân trọng cảm ơn bà Nguyễn Phương Thảo, Giám đốc các chương trình Nghệ thuật và Công nghiệp sáng tạo về sự hỗ trợ và những lời khuyên quý giá. Tại Hội đồng Anh ở Việt Nam, chúng tôi cũng xin đặc biệt cảm ơn các bạn Phạm Minh Hồng, Trần Duy Hưng, Phan Thu Nga, Phan Thanh Ngọc và Trần Thị Thu Hằng đã nhiệt tình hỗ trợ chúng tôi cho đến khi hoàn thành dự án.

Barley Norton và Hoàng Văn Chung

B A R L E Y N O R T O N

Barley Norton là một nghiên cứu viên cao cấp trong lĩnh vực Nhân học âm nhạc. Anh hiện là Giám đốc bộ phận âm nhạc châu Á (AsMU) thuộc Khoa Âm nhạc của trường Goldsmiths thuộc Đại học Luân-đôn (Goldsmiths, University of London). Kể từ khi đến Việt Nam lần đầu tiên vào những năm 90, Barley đã thực hiện nhiều chuyến nghiên cứu thực địa về âm nhạc và di sản văn hóa Việt Nam. Bên cạnh việc viết những cuốn sách và bài báo về văn hóa âm nhạc Việt Nam, anh cũng quay và đạo diễn những bộ phim tài liệu nhân học. Những xuất bản chính của anh bao gồm một cuốn sách về vai trò của âm nhạc trong nghi lễ Lên đồng có tên *Songs for the Spirits (Những bài hát cho thần thánh)* (Nhà xuất bản Đại học Illinois

2009), và hai bộ phim về âm nhạc đương đại, bao gồm *Hanoi Eclipse – The music of Dai Lam Linh (Nhật thực ở Hà Nội – âm nhạc của Đại Lâm Linh)* (Documentary Educational Resources 2010), và *Make a Silence - Musical Dialogues in Asia (2019) (Cất lên im lặng – Đối thoại âm nhạc ở Châu Á) (2019)*. Anh cũng đồng chủ biên hai cuốn sách có tên là *Music and Protest in 1968 (Cambridge University Press 2013) (Âm nhạc và sự phản kháng năm 1968)* vốn được giải thưởng của hội âm nhạc học Mỹ năm 2014 (The American Musicology Society) và giải thưởng mang tên Ruth A. Solie Award (2014); và *Music as Heritage (Âm nhạc như là di sản)* (Routledge 2019).

H O À N G V ã N C H U N G

Hoàng Văn Chung là một nghiên cứu viên trong lĩnh vực Xã hội học, hiện là Trưởng phòng Phòng nghiên cứu Lý luận và chính sách về tôn giáo tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Kể từ năm 1999, anh đã tập trung nghiên cứu về các hiện tượng tôn giáo mới, tôn giáo dân gian, Phật giáo và mối quan hệ nhà nước và tôn giáo ở Việt Nam và thực hiện rất nhiều chuyến khảo sát thực địa trong các cộng đồng tôn giáo-dân tộc khác nhau. Những xuất bản đáng kể của anh bao gồm cuốn sách *New Religions and State's Response to Religious*

Diversification in Contemporary Vietnam (Các tôn giáo mới và ứng xử của Nhà nước đối với đa dạng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, Nxb. Springer 2017), chủ biên cuốn *Giá trị và chức năng cơ bản của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học Xã hội 2019), và một chương sách có tên "The double-layered religious diversification in post-Renovation Vietnam" (Quá trình đa dạng hóa hai lớp của tôn giáo ở Việt Nam kể từ Đổi mới) trong cuốn sách *Religious Diversity in Asia (Đa dạng tôn giáo ở Châu Á)*, Nxb. Brill 2019.

CHÚ THÍCH ẢNH

Trang bìa. Đinh Văn Khun chơi cồng trước nhà văn hóa cộng đồng làng Mơ H'ra, Gia Lai, tháng 1 năm 2020. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

5. Đội đánh cồng chiêng trẻ em làng Mơ H'ra biểu diễn trước nhà văn hóa cộng đồng, Gia Lai, tháng 1 năm 2020. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

6. Đinh Thị Mến giới thiệu về di sản văn hóa người Bahnar trưng bày tại nhà văn hóa cộng đồng làng Mơ H'ra, Gia Lai, tháng năm 2020. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

7. Già làng Mơ H'ra Đinh H'munh chơi đàn goong trong nhà văn hóa cộng đồng, Gia Lai, tháng 1 năm 2020. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

8-9. Trần Thu Hiền, Nhà hát Chèo Việt Nam, diễn vai Suý Vân. Ảnh: Nguyễn Hoàng.

10 (trái) - La Mai trình diễn tại một buổi trình diễn mở của dự án "Tương lai của truyền thống" năm 2019. Ảnh do La Mai cung cấp.

10 (phải) - Trần Thu Hiền, Nhà hát Chèo Việt Nam, diễn vai Suý Vân. Ảnh: Nguyễn Hoàng.

11.Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Sơn trong buổi phỏng vấn tại Không gian di sản ở Hà Nội tháng 12 năm 2019. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

12-13. Trình diễn "Hồ Nguyệt Cô hóa cáo" của Trần Thị Kim Ngọc tại Liên hoan nhạc mới Hà Nội năm 2018. Ảnh lấy từ phim Make a Silence - Musical Dialogues in Asia (2019) của Barley Norton. Ảnh do Barley Norton cung cấp.

14. Chân dung Trần Thị Kim Ngọc. Ảnh: Nguyễn Xuân Sơn.

17. Chân dung Nguyễn Quốc Hoàng Anh, Hà Nội, tháng 1 năm 2020. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

19. Nguyễn Quốc Hoàng Anh trên chiếc xe máy cổ ở Hà Nội, tháng 1 năm 2020. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

20-21. Ảnh nam diễn viên Trần Quang và nữ diễn viên Thẩm Thúy Hằng trong phim Nàng của đạo diễn Lê Mộng Hoàng thực hiện trước năm 1975. Ảnh do Lê Hồng Lâm cung cấp.

22. Nhà phê bình phim Lê Hồng Lâm trong cuộc phỏng vấn nữ diễn viên Kiều Chinh ở California, 2019. Ảnh: Vũ Khánh Tùng.

24-25. Đạo diễn sân khấu Nguyễn Hồng Dung tại Nhà tổ nghề sân khấu ở Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 1 năm 2020. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

27 (trên) - Nguyễn Lê Hiếu hát cải lương, Nhà tổ nghề sân khấu ở Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 1 năm 2020. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

27 (dưới) – Một chiếc đĩa than ghi nhạc cải lương trong bộ sưu tập cá nhân của Nguyễn Lê Hiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 1 năm 2020. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

28. Tráng Hồng Vi hát dân ca Mông ở Hà Nội, tháng 12 năm 2019. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

30-31. Giàng A Bê thổi sáo Mông ở Sapa, Lào Cai, năm 2019. Ảnh: Ly Chính.

32-33. Thắng học đánh trống gi nằng với nghệ nhân Sầm Tánh ở làng Bình Nghĩa, Ninh Thuận, tháng 1 năm 2020. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

34 (trái) – Nghệ nhân Sầm Tánh chơi trống pa ra nung tại nhà riêng ở làng Bình Nghĩa, Ninh Thuận, tháng 1 năm 2020. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

34 . (phải) – Thắng học cách sử dụng máy quay phim, Ninh Thuận, năm 2019. Ảnh: Hội đồng Anh Việt Nam.

35. Nhóm làm phim trẻ em cùng làm phim "Thắng – cậu bé học trống", Ninh Thuận, tháng 1 năm 2020. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

36-37. Nghệ nhân A Jring Đeng chơi đàn goong trước nhà rông của làng Tân Lập, Kon Tum, tháng 1 năm 2020. Ảnh: Hoàng Văn Chung.

38. Một học sinh của Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Kon Rẫy trong giờ học nghệ thuật đánh cồng chiêng, Kon Tum, 2019. Ảnh: Hội đồng Anh Việt Nam.

39. Học sinh Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Kon Rẫy biểu diễn trong buổi tổng kết lớp dạy đánh cồng chiêng, Kon Tum, 2019. Ảnh: Hội đồng Anh Việt Nam.

40-41.Trình diễn nghệ thuật sống "The Bolero Effect" (Hiệu ứng nhạc Bolero) của nghệ sĩ Moi Tran ở Hà Nội, tháng 12 năm 2019. Ảnh: Trần Thảo Miên.

42. Trình diễn nghệ thuật sống "The Bolero Effect" (Hiệu ứng nhạc Bolero) của nghệ sĩ Moi Tran ở Hà Nội, tháng 12 năm 2019. Ảnh: Trần Thảo Miên.

43. Trình diễn nghệ thuật sống "The Bolero Effect" (Hiệu ứng nhạc Bolero) của nghệ sĩ Moi Tran ở Hà Nội, tháng 12 năm 2019. Ảnh: Trần Thảo Miên.



Ấn phẩm này là một phần của



Di sản Văn hóa hướng đến sự Phát triển đồng đều
Một dự án được thực hiện bởi Hội đồng Anh tại Việt Nam

www.britishcouncil.vn
© British Council 2020